

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành Marketing, mã ngành 7340115**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-ĐHDL ngày 22/10/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Quyết định số 2035/QĐ-ĐHDL, ngày 21/11/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quyết định xây dựng "Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Marketing";

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-ĐHDL ngày 29/11/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing - mã ngành 7340115;

Căn cứ Biên bản số 398/BB-ĐHDL, ngày 28/02/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo ngành Marketing của Khoa Quản trị kinh doanh và Du lịch;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing, mã ngành 7340115 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Marketing, mã ngành 7340115 có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường các đơn vị: Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Quản trị kinh doanh và Du lịch và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐT (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để t/h);
- Lưu: VT, QLĐào tạo, Anhlvtv (01).



Phụ lục
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH MARKETING
MÃ NGÀNH 7340115

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41.4./QĐ-ĐHDL, ngày 04 tháng 3 năm 2025
của Trường Đại học Điện lực)*

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học

Tên tiếng Việt	: Marketing
Tên tiếng Anh	: Marketing
Mã ngành đào tạo	: 7340115
Trình độ đào tạo	: Đại học
Thời gian đào tạo	: 04 năm
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp	: Bằng Cử nhân
Tên đơn vị cấp bằng	: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 796/QĐ-KĐCL ngày 23 tháng 8 năm 2023 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo: ngày 12/12/2024

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEO)

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo người học có sức khỏe tốt, có phẩm chất chính trị, tự chủ và trách nhiệm, có ý thức phục vụ nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; kiến thức toàn diện theo định hướng ứng dụng, kiến thức chuyên sâu về marketing, chú trọng marketing số và hội nhập quốc tế; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức công việc thuộc lĩnh vực Marketing; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- **PEO1:** Kiến thức cơ bản và chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Marketing.
- **PEO2:** Khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực Marketing.
- **PEO3:** Đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Marketing

3.1. Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	
PLO1	Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học cơ bản, khoa học xã hội, công nghệ thông tin; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề liên quan đến Marketing.
PLO2	Vận dụng kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong hoạch định Marketing và các hoạt động kinh doanh; giải quyết các vấn đề liên quan đến Marketing.
Kỹ năng	
PLO3	Tư duy phản biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tổ chức và quản lý hoạt động Marketing trong doanh nghiệp.
PLO4	Tổ chức làm việc nhóm hiệu quả, vận dụng được KPI trong doanh nghiệp; sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong triển khai các hoạt động tác nghiệp marketing của doanh nghiệp. Hình thành kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động Marketing tại doanh nghiệp.
PLO5	Đạt tối thiểu bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương; khả năng sử dụng tiếng anh tốt trong công việc.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO6	Tự chịu trách nhiệm và tự chủ trong công việc trên cơ sở đạo đức nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại.

3.2. Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số
PLO1	I1.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về toán và thống kê để tối ưu hóa các bài toán kinh tế trong tình huống Marketing của doanh nghiệp.	30%
	I1.2	Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, kinh tế và pháp luật để giải quyết những vấn đề về kinh doanh và Marketing.	50%
	I1.3	Đạt tối thiểu trình độ tin học ở mức “Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” theo Thông tư 03-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông.	20%
PLO2	I2.1	Vận dụng những kiến thức cơ bản để lập kế hoạch, tổ chức và vận hành hệ thống marketing trong doanh nghiệp.	20%
	I2.2	Phân tích hoạt động tác nghiệp trong Marketing để đề xuất hoạt động cải tiến, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.	30%
	I2.3	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Marketing để triển khai các hoạt động Marketing như: nghiên cứu thị trường; thiết kế sản phẩm mới; tổ chức kênh phân phối; xây dựng thương hiệu; truyền thông cho thương hiệu, sản phẩm và công ty; bán hàng và phát triển thị trường;... trong thời đại kinh tế số.	50%

PLOs	PIs	Nội dung chi báo	Trọng số
PLO3	I3.1	Khả năng tư duy hệ thống, phân biện và đề xuất phương án xử lý các tình huống trong hoạt động Marketing một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.	40%
	I3.2	Kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Marketing của doanh nghiệp.	40%
	I3.3	Năng lực xây dựng kế hoạch Marketing, thực hiện triển khai các quyết định Marketing trong thực tiễn kinh doanh với bối cảnh thời đại kinh tế số.	20%
PLO4	I4.1	Vận dụng tốt kỹ năng làm việc nhóm, thực hiện được các KPI của doanh nghiệp.	30%
	I4.2	Sử dụng kỹ năng giao tiếp và truyền tải thông tin hiệu quả với các bên liên quan trong triển khai các hoạt động marketing.	20%
	I4.3	Vận dụng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu để hình thành phương pháp và kỹ năng vận dụng hoạt động Marketing số trong thực tiễn.	30%
	I4.4	Hình thành ý tưởng và kế hoạch thực hiện hoạt động Marketing và quản trị Marketing trên cơ sở vận dụng sức mạnh công nghệ, kinh doanh số.	20%
PLO5	PI5.1	Sử dụng ngoại ngữ mức độ cơ bản thành thạo với 4 kỹ năng đạt yêu cầu của trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6	50%
	PI5.2	Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành tốt (tương đương bậc 3/6 trở lên) để khai thác tài liệu, giao tiếp, vận dụng linh hoạt các ứng dụng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực Marketing nhằm hỗ trợ tốt công việc.	50%
PLO6	I6.1	Hình thành năng lực làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động quản trị Marketing với tinh thần trách nhiệm cao để trở thành doanh nhân, nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nói chung, Marketing nói riêng.	30%
	I6.2	Hình thành năng lực đánh giá chuyên môn, tự chịu trách nhiệm với công việc được giao trên cơ sở KPI được giao và dựa trên các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và sự tuân thủ quy định của pháp luật trước các bên liên quan.	30%
	I6.3	Hình thành ý thức và năng lực về đảm bảo chất lượng, hiệu quả quản lý các nguồn lực trong thực hiện các hoạt động Marketing, đổi mới sáng tạo và luôn có tinh thần phục vụ cộng đồng.	40%

4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing (mã ngành: 7340115) trang bị cho sinh viên tốt nghiệp những năng lực và điều kiện cần thiết để đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, sinh viên hoàn toàn có thể chuyển đổi được vị trí công việc nếu như đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với công việc

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí tại 05 nhóm công việc, cụ thể như sau:

- **Nhóm 1:** Chuyên viên marketing và thương hiệu, chuyên viên sáng tạo, chuyên viên nghiên cứu thị trường, bán hàng, truyền thông và định giá, phân phối trong môi trường thực và môi trường internet trong mọi loại hình doanh nghiệp, các tổng công ty, các tập đoàn, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tài chính – ngân hàng, tổ chức xã hội, quỹ đầu tư...

- **Nhóm 2:** Trưởng phòng (khi có đủ kinh nghiệm và các tiêu chuẩn) của bộ phận chức năng marketing, truyền thông.

- **Nhóm 3:** Nhân viên tại các phòng/ban Marketing của các doanh nghiệp; hoặc tại các cơ quan quản lý giá của Nhà nước như Sở Tài chính, Bộ Tài chính; cơ quan chính quyền các cấp.

- **Nhóm 4:** Giám đốc marketing (khi có đủ kinh nghiệm và các tiêu chuẩn), giám đốc thương hiệu, quản lý bộ phận xúc tiến bán hàng tại cơ quan quản lý nhà nước.

- **Nhóm 5:** Giảng viên hoặc nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực Marketing ở các cơ sở đào tạo (các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề); các viện nghiên cứu, các trung tâm...

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Marketing có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm bằng tốt nghiệp đại học của các ngành, lĩnh vực theo qui định hiện hành tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

Tham gia các khóa học bồi dưỡng nâng cao và trình độ.

6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Chương trình đào tạo ngành Marketing gồm có 128 tín chỉ (Không bao gồm khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình

(Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)						Tổng điểm	Số CDR
				1	2	3	4	5	6		
I	Chứng chỉ		15								
	Giáo dục quốc phòng 1	004342	3	3					2	5	2
	Giáo dục quốc phòng 2	004343	2	3					2	5	2
	Giáo dục quốc phòng 3	004344	2	3					2	5	2
	Giáo dục quốc phòng 4	004345	4	3					2	5	2
	Giáo dục thể chất 1	000801	1						2	2	1
	Giáo dục thể chất 2	000808	1						2	2	1
	Giáo dục thể chất 3	000813	1						2	2	1
	Giáo dục thể chất 4	000816	1						2	2	1
II	Kiến thức giáo dục đại cương		31								
II.1	Toán và các môn KH cơ bản										
1	Toán cao cấp 2	004546	3	2						2	1
2	Xác suất thống kê	003657	2	2		1				3	2
II.2	Khoa học chính trị, pháp luật và xã hội										
1	Triết học Mác - Lênin	001924	3	2		1			1	4	3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	003925	2	3		1			1	5	3
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	2	2		1			1	4	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	2	2		1			2	5	3
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	2	1		1			1	3	3
6	Pháp luật đại cương	002018	2	3		1			3	7	3
II.3	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	3	3					1	1	5
II.4	Ngoại ngữ cơ bản										
1	Tiếng Anh 1	003137	4	2					3	1	6
2	Tiếng Anh 2	004549	4	2					3	1	6
II.5	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	2	1	2					3	6

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)						Tổng điểm	Số CDR
				1	2	3	4	5	6		
III	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97								
III.1	Kiến thức cơ sở ngành		24								
	<i>Các môn chung theo lĩnh vực</i>		12								
1	Kinh tế học quản lý	005218	3	2		1		1	1	5	4
2	Quản lý tài chính	002208	3	2		2		1	1	6	4
3	Nguyên lý kế toán	001838	3	1	1		1			3	3
4	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	3	3		1		2	1	7	4
	<i>Các môn chung theo nhóm ngành</i>		9								
5	Quản trị học	002244	3	2		1	2	1	1	7	5
6	Marketing căn bản	001671	2		2	1	2			5	3
7	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	2	2	1	2		2	1	8	5
8	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	3	2	1	1	3		2	9	5
9	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	002222	2		2		2		1	5	3
III.2	Kiến thức ngành		39								
	<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>		33								
1	Quản lý nhân lực	002173	4	3	3	2	2		2	12	5
2	Tin học ứng dụng trong quản lý	003319	3	2				2		4	2
3	Quản trị vận hành	004728	4	2	2	2	1	1		8	5
4	Khởi sự kinh doanh	004722	3	2			1	3	2	8	4
5	Quản trị thương hiệu	003891	3	2	1	1	1			5	4
6	Hành vi người tiêu dùng	004874	3		1		1		2	4	3
7	Marketing quốc tế	005222	3		2	2	1	1	2	8	5
8	Marketing số	004858	3		1	1		3	1	6	4
9	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	005215	3	1	2	1		3	1	8	5
10	Nghiên cứu thị trường	005223	4	2	1		2	1	1	7	5
	<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>		3								
11	Quản lý chiến lược	004871	4	1	2	1	2		2	8	5
12	Phân tích kinh doanh	004695	3	1	1	1	1		1	5	5
13	Marketing bán lẻ (Môn chọn)	005219	3		2	1	2		1	6	4

10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, ... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Kiến thức giáo dục đại cương	12	31	24.22%	
1	Giáo dục thể chất				Chứng chỉ
2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh				Chứng chỉ
3	Khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	7	15	11.72%	
4	Ngoại ngữ	2	8	6.25%	
5	Khoa học tự nhiên	2	5	3.91%	
6	Công nghệ thông tin	1	3	2.34%	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	37	90	70.31%	
1	Kiến thức cơ sở ngành	9	24	18.75%	
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	9	24	18.75%	
1.1.1	Bắt buộc	9	24	18.75%	
1.1.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00%	
1.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
1.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
2	Kiến thức ngành	16	39	30.47%	
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	15	36	28.13%	
2.1.1	Bắt buộc	10	33	25.78%	
2.1.2	Tự chọn	5	3	2.34%	
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.	1	3	2.34%	
2.2.1	Bắt buộc	1	3	2.34%	
2.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	11	23	17.97%	
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	10	19	14.84%	
3.1.1	Bắt buộc	5	15	11.72%	
3.1.2	Tự chọn	5	4	3.13%	
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.	1	4	3.13%	
3.2.1	Bắt buộc	1	4	3.13%	
3.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
4	<i>Kiến thức chuyên sâu đặc thù</i>	0	0	0.00%	
4.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	0	0	0.00%	
4.1.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
4.1.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
4.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00%	
4.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
4.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
5	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	1	4	3.13%	
III.	Khóa luận tốt nghiệp	1	7	5.47%	
	Cộng	50	128	100%	

12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	GDDC	Không có	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
2	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	GDDC	Không có	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
3	1	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	GDDC	Không có	Tự luận/TN/ Vấn đáp	2	KHTN
4	1	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	GDDC	Không có	Tự luận/ TN/ Vấn đáp	2	KHTN
5	2	005218	Kinh tế học quản lý	3	45	0	CSN	Không có	TN/Tự luận	2	QTKD&DL
6	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	GDDC	003923	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
7	2	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	GDDC	Không có	Hỗn hợp	2	NN
8	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	GDDC	Không có	BCCD/ TN/ Vấn đáp	1	NLM
9	2	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	GDDC	Không có	TN	2	CNTT
10	2	002244	Quản trị học	3	45	0	CSN	Không có	TN/ Tiểu luận	2	QTKD&DL
11	2	004342	Giáo dục quốc phòng 1	3	37	8	CC	Không có	Tự luận	2	TT GDTC-QPAN
12	2	004343	Giáo dục quốc phòng 2	2	22	8	CC	Không có	Tự luận	1	TT GDTC-QPAN
13	2	004344	Giáo dục quốc phòng 3	2	14	16	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
14	2	004345	Giáo dục quốc phòng 4	4	4	56	CC	Không có	Thực hành	2	TT GDTC-QPAN
15	2	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	20	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
16	2	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
17	2	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
18	2	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
19	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0	CSN	Không có	Tự luận/ TN	2	QTKD&DL
20	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	GDDC	003923, 003925	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
21	3	004549	Tiếng Anh 2	4	60	0	GDDC	003137	Tự luận	2	NN
22	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	CSN	Không	TN	2	KT-TC
23	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	CSN	003657	Tiểu luận/ TN	2	QTKD&DL
24	3	004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	30	0	CSN	Không	Tự luận	1	QTKD&DL
25	4	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2	30	0	CSN	001671	Tự luận	2	QTKD&DL
26	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	GDDC	003923, 003925, 003926	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
27	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	CSN	Không	TN	2	QTKD&DL
28	4	004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3	45	0	CSN	002244	Tiểu luận	2	QTKD&DL
29	4	003319	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	30	30	Ngành	004547, 002208, 001852	Thực hành	2	QTKD&DL
30	4	004874	Hành vi người tiêu dùng	3	30	30	Ngành	002244, 001671	Tự luận	2	QTKD&DL
31	5	004858	Marketing số	3	45	0	Ngành	001671	Tự luận	2	QTKD&DL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
32	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	GDDC	003923, 003925, 003926, 003505	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
33	5	003891	Quản trị thương hiệu	2	30	0	Ngành	001671	Tự luận	1	QTKD&DL
34	5	005222	Marketing quốc tế	3	45	0	Ngành	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
35	5	005215	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong Marketing	3	30	30	Ngành	001671	Tiểu luận/ Tự luận	2	QTKD&DL
36	5	005219	Marketing bán lẻ	3	45	0	Ngành	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
37	6	005216	Đề án môn học ngành Marketing	3	0	90	Ngành	001671	BCCĐ	0	QTKD&DL
38	6	002173	Quản lý nhân lực	4	45	30	Ngành	002244	Tiểu luận	2	QTKD&DL
39	6	004728	Quản lý vận hành	4	45	30	Ngành	002244	Tự luận	2	QTKD&DL
40	6	004722	Khởi sự kinh doanh	3	30	30	Ngành	001981	Tiểu luận	2	QTKD&DL
41	6	005223	Nghiên cứu thị trường	4	45	30	Ngành	Không có	Tiểu luận/ BCCĐ/ Tự luận	2	QTKD&DL
42	6	005221	Marketing mạng xã hội	3	45	0	CN	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
43	7	005224	Quan hệ công chúng	3	45	0	CN	Không có	Tự luận	2	QTKD&DL
44	7	005213	B2B Marketing	3	45	0	CN	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
45	7	005228	Truyền thông tích hợp trong Marketing	3	45	0	CN	001671	Tiểu luận/Tự luận	2	QTKD&DL
46	7	005214	Chiến lược Marketing	4	60	0	CN	Không có	Tiểu luận	2	QTKD&DL
47	7	005226	Thực hành môn học Marketing	4	0	120	CN	001671, 004720	BCCĐ	1	QTKD&DL
48	8	005225	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4	60	0	CN	002244	Tiểu luận/ BCCĐ/ Tự luận	2	QTKD&DL
49	8	005227	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	CN	005226	BCCĐ	1	QTKD&DL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
50	8	005217	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	CN	005227	BCCĐ	1	QTKD&DL
51	0	004871	Quản lý chiến lược	4	60	0	Ngành		TN	2	QTKD&DL
52	0	004695	Phân tích kinh doanh	3	30	30	Ngành	004557	Tiểu luận	2	QTKD&DL
53	0	001506	Luật kinh tế	2	30	0	Ngành	Không có	TN	2	QTKD&DL
54	0	003103	Thương mại điện tử	3	45	0	Ngành	002244, 001671	TN	2	QTKD&DL
55	0	004725	Quản lý chất lượng	4	45	30	CN	002244, 004728	Tiểu luận	2	QTKD&DL
56	0	004727	Quản lý dự án	4	45	30	CN	001981	Tiểu luận/ Vấn đáp	2	QTKD&DL
57	0	005220	Marketing dịch vụ	2	30	0	CN	001671, 003885	Tự luận	2	QTKD&DL
58	0	004873	Quản lý mua hàng	4	45	30	CN	001671, 002244	Tự luận	2	QTKD&DL